

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GIÁ RAI  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021

*“V/v tranh chấp ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Nguyễn Thành Nhạn**

**2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng**

*Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã  
Giá Rai.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai: Bà Nguyễn Mộng Đẹp -  
Kiểm sát viên.*

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXX - HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị Mỹ T** sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Trần Việt Tr** sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B.

(Chị T, anh Tr vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn là chị Lâm Thị Mỹ T trình bày tại đơn khởi kiện, các lời khai: Chị và anh Trần Việt Tr chung sống từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Chị yêu cầu ly hôn với anh Tr vì vợ chồng chung sống không hòa hợp, hay có mâu thuẫn, bất đồng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017. Thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Quốc Mến sinh năm 1995, con đã trưởng thành và lập gia đình nên không yêu cầu giải quyết, về tài sản và nợ chung cũng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Việt Tr trình bày tại các lời khai: Anh thống nhất với chị T về thời gian chung sống, việc không đăng ký kết hôn và con chung. Về quan hệ vợ chồng anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung đã trưởng thành và lập gia đình nên không yêu cầu giải quyết, tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh theo ý kiến anh đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Tr theo quy định tại các điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm b, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 và áp dụng điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14: Về hôn nhân: Không công nhận chị Lâm Thị Mỹ T và anh Trần Việt Tr là vợ chồng. Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Lâm Thị Mỹ T và bị đơn Trần Việt Tr có yêu cầu xét xử vắng mặt gửi tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Tr theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[2] Về thời gian chung sống: Chị Lâm Thị Mỹ T và anh Trần Việt Tr thống nhất chung sống từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Hai bên thống nhất ly hôn do khi sống chung không có sự hòa hợp và có nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy chị T và anh Tr đã thống nhất việc ly hôn nhưng không thể ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các đương sự do cả hai đều xác định chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn

theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Do đó việc chung sống như vợ chồng của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khi có yêu cầu ly hôn thì Tòa án không xử cho ly hôn hay bác yêu cầu hoặc công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các bên mà tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng theo quy định tại điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

[3] Về nuôi con chung: Anh Tr, chị T xác định chung sống có 01 con chung tên Trần Quốc M sinh năm 1995 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên HĐXX ghi nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị Lâm Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0002266 ngày 06/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí. Anh Trần Việt Tr không phải nộp án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc hướng dẫn thi hành luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1/.** Về hôn nhân: Không công nhận chị Lâm Thị Mỹ T và anh Trần Việt Tr là vợ chồng.

**2/-** Về nuôi con: không có nên không đặt ra giải quyết.

**3/-** Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**4/-** Án phí sơ thẩm: Chị Lâm Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã dự nộp 300.000 đồng lai thu số 0002266 ngày 06/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THA thị xã Giá Rai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Giang Thị Cẩm Thúy**